

**THÔNG TƯ**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn,  
quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ**

*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012, Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2014 và Nghị định số 28/2016/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về quỹ bảo trì đường bộ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ (phí thu trên đầu phương tiện).

2. Thông tư này không áp dụng đối với xe máy chuyên dùng, xe mô tô theo quy định tại khoản 18 và khoản 20 Điều 3 Luật giao thông đường bộ.

**Điều 2. Đối tượng chịu phí**

1. Đối tượng chịu phí sử dụng đường bộ là các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đã đăng ký lưu hành (có giấy chứng nhận đăng ký xe và biển số xe), bao gồm: Xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự (sau đây gọi chung là ô tô).

2. Xe ô tô quy định tại khoản 1 Điều này không chịu phí sử dụng đường bộ trong các trường hợp sau:

- a) Bị hủy hoại do tai nạn hoặc thiên tai.
- b) Bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe.
- c) Bị tai nạn đến mức không thể tiếp tục lưu hành phải sửa chữa từ 30 ngày trở lên.
- d) Xe kinh doanh vận tải thuộc các hợp tác xã, doanh nghiệp kinh doanh vận tải tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên.

đ) Xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ, chỉ sử dụng trong phạm vi đất thuộc quản lý của doanh nghiệp, hợp tác xã như: nhà ga, cảng, khu khai thác khoáng sản, nông, lâm nghiệp và xe ô tô dùng để sát hạch của tổ chức đào tạo dạy nghề lái xe.

e) Xe ô tô đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên.

g) Xe ô tô bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên.

3. Các trường hợp nêu tại khoản 2 Điều này không chịu phí nếu có đủ hồ sơ đáp ứng các quy định tại Điều 9 Thông tư này. Trường hợp xe ô tô đó đã được nộp phí sử dụng đường bộ, chủ phương tiện sẽ được trả lại số phí đã nộp (áp dụng cho xe ô tô bị hủy hoại; bị tịch thu hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe không tiếp tục lưu hành) hoặc được trừ vào số phí phải nộp của kỳ sau (áp dụng đối với xe ô tô vẫn tiếp tục được lưu hành) tương ứng với thời gian không sử dụng đường bộ.

4. Không áp dụng khoản 2 Điều này đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng và công an.

5. Tạm thời chưa thu phí đối với xe ô tô mang biển số nước ngoài (bao gồm cả trường hợp xe được cấp đăng ký và biển số tạm thời) được cơ quan có thẩm quyền cho phép tạm nhập, tái xuất có thời hạn theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Các trường hợp miễn phí**

Miễn phí sử dụng đường bộ đối với các trường hợp sau đây:

1. Xe cứu thương.
2. Xe chữa cháy.
3. Xe chuyên dùng phục vụ tang lễ gồm:
  - a) Xe có kết cấu chuyên dùng phục vụ tang lễ (bao gồm xe tang, xe tải lạnh dùng để lưu xác và chở xác).
  - b) Các xe liên quan phục vụ tang lễ (bao gồm xe chở khách đi cùng xe tang, xe tải chở hoa, xe rước ảnh) là xe chỉ sử dụng cho hoạt động tang lễ mà trên Giấy đăng ký xe mang tên đơn vị phục vụ lễ tang. Đơn vị phục vụ lễ tang phải có văn bản cam kết các loại xe này chỉ sử dụng cho hoạt động lễ tang

(trong đó nêu cụ thể số lượng xe, biển số xe theo từng loại) gửi Cục Đăng kiểm Việt Nam, Quỹ bảo trì đường bộ trung ương và xuất trình cho đơn vị đăng kiểm (khi đăng kiểm xe).

4. Xe chuyên dùng phục vụ quốc phòng bao gồm các phương tiện cơ giới đường bộ mang biển số: nền màu đỏ, chữ và số màu trắng dập chìm có gắn các thiết bị chuyên dụng cho quốc phòng (xe chở lực lượng vũ trang hành quân được hiểu là xe ô tô chở người có từ 12 chỗ ngồi trở lên, xe ô tô tải có mui che và được lắp đặt ghế ngồi trong thùng xe, mang biển số màu đỏ).

5. Xe chuyên dùng phục vụ an ninh của các lực lượng công an (Bộ Công an; Công an tỉnh, thành phố; Công an quận, huyện,...) bao gồm:

a) Xe ô tô tuần tra kiểm soát giao thông của cảnh sát giao thông có đặc điểm: Trên nóc xe ô tô có đèn xoay và hai bên thân xe ô tô có in dòng chữ: “CẢNH SÁT GIAO THÔNG”.

b) Xe ô tô cảnh sát 113 có in dòng chữ: “CẢNH SÁT 113” ở hai bên thân xe.

c) Xe ô tô cảnh sát cơ động có in dòng chữ “CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG” ở hai bên thân xe.

d) Xe ô tô vận tải có mui che và được lắp ghế ngồi trong thùng xe chở lực lượng công an làm nhiệm vụ.

đ) Xe đặc chủng chở phạm nhân, xe cứu hộ, cứu nạn.

#### **Điều 4. Người nộp phí và tổ chức thu phí**

1. Tổ chức, cá nhân sở hữu; sử dụng hoặc quản lý phương tiện (sau đây gọi chung là chủ phương tiện) thuộc đối tượng chịu phí theo quy định tại Điều 2 Thông tư này là người nộp phí sử dụng đường bộ.

2. Tổ chức thu phí bao gồm:

a) Văn phòng Quỹ bảo trì đường bộ trung ương (sau đây gọi tắt là Văn phòng Quỹ) thu phí đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an.

b) Các đơn vị đăng kiểm thu phí đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam (trừ xe ô tô của lực lượng công an, quốc phòng).

## **Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 5. Mức thu phí**

Mức thu phí sử dụng đường bộ được thực hiện theo quy định tại Biểu mức thu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp số tiền phí phải nộp là số tiền lẻ thì tổ chức thu phí tính tròn số theo nguyên tắc số tiền phí lẻ dưới 500 đồng thì tính tròn xuống, số tiền phí lẻ từ 500 đồng đến dưới 1.000 đồng thì tính tròn lên 1.000 đồng.



## **Điều 6. Phương thức tính, nộp phí**

1. Đối với xe ô tô của các tổ chức, cá nhân đăng ký tại Việt Nam (trừ xe của lực lượng công an, quốc phòng quy định tại khoản 2 Điều này).

Đối với xe đăng kiểm lần đầu, thời điểm tính phí sử dụng đường bộ tính từ ngày phương tiện được cấp Giấy chứng nhận đăng kiểm. Đối với xe cải tạo, chuyển đổi công năng hoặc chuyển đổi sở hữu từ tổ chức sang cá nhân (và ngược lại) thì mức thu phí tính từ ngày chuyển đổi công năng hoặc chuyển đổi sở hữu theo Giấy đăng ký mới của xe.

Phí sử dụng đường bộ tính theo năm, tháng hoặc theo chu kỳ đăng kiểm của xe. Đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với thời gian nộp phí. Cụ thể như sau:

### **a) Khai, nộp phí theo chu kỳ đăng kiểm**

a.1) Đối với xe ô tô có chu kỳ đăng kiểm từ 01 năm trở xuống: Chủ phương tiện thực hiện nộp phí sử dụng đường bộ cho cả chu kỳ đăng kiểm và được cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với thời gian nộp phí.

Ví dụ 1: Xe ô tô của ông A có chu kỳ đăng kiểm 06 tháng (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016). Ngày 01/01/2016, ông A mang xe đến đăng kiểm, nộp phí sử dụng đường bộ cho đơn vị đăng kiểm. Đơn vị đăng kiểm thực hiện đăng kiểm xe, thu phí sử dụng đường bộ và cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ 06 tháng.

a.2) Đối với xe ô tô có chu kỳ đăng kiểm trên 01 năm (18, 24 và 30 tháng): Chủ phương tiện phải nộp phí sử dụng đường bộ theo năm (12 tháng) hoặc nộp cho cả chu kỳ đăng kiểm (18, 24 và 30 tháng).

Trường hợp nộp phí theo chu kỳ đăng kiểm (18, 24 và 30 tháng): đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với chu kỳ đăng kiểm.

Trường hợp nộp phí theo năm (12 tháng): Đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với thời gian nộp phí 12 tháng. Hết thời hạn nộp phí (12 tháng), chủ phương tiện phải đến đơn vị đăng kiểm nộp phí và được cấp Tem nộp phí của thời gian tiếp theo (12 tháng hoặc thời gian còn lại của chu kỳ đăng kiểm).

Ví dụ 2: Xe ô tô của ông B có chu kỳ đăng kiểm 30 tháng (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2018). Ngày 01/01/2016, ông B mang xe đến đăng kiểm. Ông B được lựa chọn nộp phí 01 năm (12 tháng) hoặc nộp phí cho cả chu kỳ đăng kiểm (30 tháng).

Trường hợp ông B nộp phí cho cả chu kỳ đăng kiểm, được cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ 30 tháng.

Trường hợp ông B chọn nộp phí theo năm: Đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ có thời gian 12 tháng. Hết 12 tháng, ngày 01/01/2017, ông B phải đến nộp phí sử dụng đường bộ cho thời gian tiếp theo

12 tháng (hoặc có thể nộp cho thời gian còn lại của chu kỳ đăng kiểm là 18 tháng) và được cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ cho thời gian nộp phí tương ứng (12 tháng hoặc 18 tháng). Nếu nộp phí 12 tháng thì đến ngày 01/01/2018, ông B phải đến nộp phí cho thời gian 06 tháng còn lại (từ 01/01/2018 đến 30/6/2018) và được cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ 06 tháng. Ngày 01/7/2018, ông B đến đăng kiểm xe và nộp phí cho chu kỳ tiếp theo.

a.3) Trường hợp chủ phương tiện đến đăng kiểm sớm hơn hoặc chậm hơn thời gian theo chu kỳ đăng kiểm quy định, đơn vị đăng kiểm kiểm tra xe và tính tiền phí sử dụng đường bộ nối tiếp từ thời điểm cuối của khoảng thời gian đã nộp phí sử dụng đường bộ lần trước cho đến hết chu kỳ kiểm định của kỳ tiếp theo (nếu chu kỳ kiểm định tiếp theo trên 12 tháng, chủ phương tiện có thể nộp đến 12 tháng hoặc nộp cả chu kỳ đăng kiểm). Trường hợp thời gian tính phí không tròn tháng thì số phí phải nộp sẽ tính bằng số ngày lẻ chia 30 ngày nhân với mức phí của 01 tháng.

Ví dụ 3: Về trường hợp đăng kiểm sớm, xe của ông C có chu kỳ đăng kiểm 06 tháng tính từ ngày 01/3/2016 đến ngày 31/8/2016. Ngày 01/3/2016, ông C mang xe đến đăng kiểm và nộp phí 06 tháng. Theo định kỳ thì đến ngày 31/8/2016 ông C mới phải đến đăng kiểm xe nhưng vì lý do nào đó ngày 20/8/2016 ông C mang xe đến đăng kiểm và nộp phí (đăng kiểm sớm 10 ngày).

Đơn vị đăng kiểm thực hiện đăng kiểm xe và cấp Tem đăng kiểm cho chu kỳ 06 tháng tiếp theo tính từ ngày 20/8/2016 đến ngày 19/02/2017. Do ông C đã nộp phí tính đến ngày 31/8/2016 nên tổ chức đăng kiểm sẽ tính và thu phí sử dụng đường bộ từ ngày 01/9/2016 đến ngày 19/02/2017 (05 tháng 20 ngày), cụ thể như sau:

Số phí phải nộp = 5 tháng x 130.000 đồng/tháng + (20/30) tháng x 130.000 đồng/tháng = 736.670 đồng.

Ví dụ 4: Về trường hợp đăng kiểm muộn, vẫn các giả định như trường hợp ví dụ 3 nêu trên nhưng đến ngày 15/9/2016, ông C mới mang xe đến đăng kiểm (đăng kiểm chậm 15 ngày).

Đơn vị đăng kiểm kiểm tra và cấp Tem đăng kiểm 06 tháng tính từ ngày 15/9/2016 đến ngày 14/3/2017. Do ông C mới nộp phí đến ngày 31/8/2016 nên đơn vị đăng kiểm sẽ tính và thu phí sử dụng tính từ ngày 01/9/2016 đến ngày 14/3/2017 (06 tháng 15 ngày), cụ thể như sau:

Số phí phải nộp = 6 tháng x 130.000 đồng/tháng + (15/30) tháng x 130.000 đồng/tháng = 845.000 đồng.

a.4) Trường hợp chủ phương tiện chưa nộp phí sử dụng đường bộ của các chu kỳ đăng kiểm trước theo thời hạn quy định, thì ngoài số phí phải nộp cho chu kỳ tiếp theo, chủ phương tiện còn phải nộp số phí chưa nộp của chu kỳ trước. Trường hợp chu kỳ đăng kiểm có thời gian trước ngày 01/01/2013 thì thời điểm xác định phí tính từ ngày 01/01/2013. Đơn vị đăng kiểm sẽ truy



thu số phí phải nộp của chu kỳ trước, số phí phải nộp bằng mức thu phí của 01 tháng nhân với thời gian nộp chậm.

a.5) Trường hợp chủ phương tiện muốn nộp phí cho thời gian dài hơn chu kỳ đăng kiểm, đơn vị đăng kiểm thu phí và cấp Tem nộp phí sử dụng đường bộ tương ứng với thời gian nộp phí.

a.6) Đối với các xe bị tịch thu sau đó được bán phát mại, thanh lý bởi các Ngân hàng hoặc Tổ chức bán đấu giá tài sản thì thời điểm tính phí sử dụng đường bộ được tính kể từ thời điểm xe đi đăng kiểm để lưu hành. Trường hợp xe bán thanh lý, phát mại đã nộp phí qua thời điểm đi đăng kiểm lại để lưu hành thì chủ phương tiện nộp phí tính từ thời điểm nối tiếp theo kỳ hạn đã nộp phí của chu kỳ trước.

#### b) Nộp phí theo năm dương lịch

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu nộp phí theo năm dương lịch gửi thông báo bằng văn bản (lần đầu hoặc khi phát sinh tăng, giảm phương tiện) đến đơn vị đăng kiểm và thực hiện nộp phí theo năm dương lịch đối với các phương tiện của mình.

Hàng năm, trước ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo, chủ phương tiện phải đến đơn vị đăng kiểm nộp phí cho năm tiếp theo. Khi thu phí, đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí cho từng xe tương ứng thời gian nộp phí.

Ví dụ 7: Doanh nghiệp A có văn bản gửi đơn vị đăng kiểm Y về việc khai, nộp phí cho 10 xe của mình theo năm dương lịch 2017 thì trước ngày 01/01/2017, Doanh nghiệp A phải đến đơn vị Y khai, nộp phí cho năm 2017 và được cấp Tem nộp phí cho 10 xe (từng xe) của doanh nghiệp.

#### c) Nộp phí theo tháng

Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải có số phí phải nộp từ 30 triệu đồng/tháng trở lên được thực hiện nộp phí theo tháng. Doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản (lần đầu hoặc khi phát sinh tăng, giảm phương tiện) gửi đơn vị đăng kiểm và thực hiện nộp phí đối với các phương tiện của mình. Hàng tháng, trước ngày 01 của tháng tiếp theo, doanh nghiệp, hợp tác xã phải đến đơn vị đăng kiểm (đã đăng ký nộp theo tháng) nộp phí cho tháng tiếp theo. Khi thu phí, tổ chức thu phí cấp Tem nộp phí tương ứng thời gian nộp phí.

Ví dụ 8: Doanh nghiệp B có 50 xe ô tô, số phí phải nộp hàng tháng là 30 triệu đồng/tháng thì doanh nghiệp B được nộp phí theo tháng. Để thực hiện nộp phí tháng 9/2016 thì trước ngày 01/9/2016, doanh nghiệp B phải có văn bản gửi đơn vị đăng kiểm X và thực hiện nộp phí đối với 50 xe; sau khi nộp phí, chủ phương tiện được cấp Tem nộp phí của tháng 9/2016. Hàng tháng, trước ngày 01 của tháng tiếp theo, doanh nghiệp B đến nộp phí cho xe của mình.

2. Đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an: Phí nộp theo năm và mức thu theo quy định tại Biểu mức thu phí tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Định kỳ hàng năm, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an lập dự trù số lượng, chủng loại vé “phí đường bộ toàn quốc” cần sử dụng gửi Văn phòng Quỹ.

Văn phòng Quỹ thực hiện in và phát hành loại vé “phí đường bộ toàn quốc” áp dụng riêng đối với xe quốc phòng, công an.

Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện mua vé “phí đường bộ toàn quốc” tại Văn phòng Quỹ theo thủ tục như sau:

Đến kỳ mua vé, người mua vé mang giấy giới thiệu của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ghi rõ: họ tên, chức vụ của người mua vé; số lượng, chủng loại vé cần mua kèm theo chứng minh thư đến Văn phòng Quỹ để mua vé.

Văn phòng Quỹ thực hiện cung cấp cho người mua vé số lượng, chủng loại vé “phí đường bộ toàn quốc” theo yêu cầu. Trên cơ sở số vé đã cấp, Văn phòng Quỹ có trách nhiệm tổ chức thu phí sử dụng đường bộ đối với xe ô tô quốc phòng, công an.

#### **Điều 7. Chứng từ thu phí**

1. Khi thu phí, tổ chức thu phí phải lập và cấp biên lai thu phí cho người nộp phí theo quy định.

2. Riêng đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng, công an, khi thu phí tổ chức thu phí cấp biên lai thu phí và vé “phí đường bộ toàn quốc”.

a) Vé “phí đường bộ toàn quốc” áp dụng đối với các phương tiện thuộc Bộ Quốc phòng mang biển số màu đỏ, không áp dụng đối với các phương tiện mang biển số khác (kể cả phương tiện của Bộ Quốc phòng không mang biển số màu đỏ). Nội dung vé “phí đường bộ toàn quốc” áp dụng đối với xe quốc phòng bao gồm các thông tin sau: Cơ quan phát hành (Văn phòng Quỹ); loại phương tiện sử dụng (gồm 02 loại: vé sử dụng cho xe ô tô con quân sự và vé sử dụng cho xe ô tô tải quân sự; kích cỡ vé có tổng chiều dài nhân (x) chiều rộng là 12 cm x 8 cm, có màu sắc; nền vé màu đỏ, chữ và số màu trắng; biển số xe).

b) Nội dung vé “phí đường bộ toàn quốc” áp dụng đối với xe của Bộ Công an bao gồm các thông tin sau: Cơ quan phát hành (Văn phòng Quỹ); loại phương tiện sử dụng gồm 02 loại (theo biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư này); kích cỡ vé có chiều dài nhân (x) chiều rộng là 12 cm x 8 cm và có màu sắc; nền vé màu vàng có gạch màu đỏ dọc theo thân vé ở vị trí 1/3 vé tính từ trái sang phải, chữ và số màu đen; biển số xe.

#### **Điều 8. Quản lý và sử dụng phí**

1. Văn phòng Quỹ được trích để lại một phẩy hai phần trăm (1,2%) số tiền phí thực thu để trang trải chi phí quản lý hoạt động thu phí sử dụng

đường bộ theo quy định. Số tiền còn lại, Văn phòng Quỹ phải nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của Văn phòng Quỹ mở tại Kho bạc Nhà nước trong thời hạn tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày thu phí.

## 2. Đối với đơn vị đăng kiểm

a) Đơn vị thu phí được trích để lại một phần hai phần trăm (1,2%) số tiền phí sử dụng đường bộ thực thu để chi cho các nội dung sau:

- Trang trải chi phí tổ chức thu theo quy định;
- Trích chuyển về Cục Đăng kiểm Việt Nam ba phần trăm (3%) số tiền phí được để lại, để phục vụ công tác quản lý thu, nộp phí sử dụng đường bộ (bao gồm: chi phí xây dựng phần mềm, xây dựng cơ sở dữ liệu, thuê bao đường truyền internet dành riêng, tập huấn nghiệp vụ, thanh tra, kiểm tra và các chi phí có liên quan khác) của hệ thống đơn vị đăng kiểm trên toàn quốc.

b) Trả lại tiền phí đối với các trường hợp không chịu phí quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

c) Số tiền còn lại (sau khi trừ số tiền quy định tại điểm a và điểm b Khoản này) tổ chức thu phí chuyển về Cục Đăng kiểm Việt Nam (việc chuyển tiền có thể thực hiện thông qua các ngân hàng thương mại). Cục Đăng kiểm Việt Nam nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước trong thời hạn tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày thu phí.

3. Cục Đăng kiểm Việt Nam và Văn phòng Quỹ thực hiện kê khai, nộp phí thu được theo tháng, quyết toán theo năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; nộp số tiền phí còn lại (quy định tại khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều này) vào ngân sách nhà nước theo Chương của Bộ Giao thông vận tải, Tiêu mục 2301 phí thuộc lĩnh vực đường bộ; để chi cho công tác bảo trì hệ thống kết cấu giao thông đường bộ theo quy định tại Luật Giao thông đường bộ, Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan về Quỹ bảo trì đường bộ.

4. Số tiền được để lại chi tổ chức thu: Trường hợp tổ chức thu phí hạch toán theo cơ chế tài chính doanh nghiệp, số tiền phí được để lại là doanh thu của đơn vị; trường hợp tổ chức thu phí là đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp, số tiền phí được để lại được hoà chung vào nguồn kinh phí của đơn vị và quản lý, sử dụng theo quy định Luật ngân sách nhà nước.

## Điều 9. Trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp

1. Đối với trường hợp xe quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều 2 nếu đã nộp phí thì chủ phương tiện được trả lại phí đã nộp hoặc được trừ vào số phí phải nộp của kỳ sau.



1.1. Đối với xe ô tô quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 trước khi mang xe đi sửa chữa, chủ phương tiện phải xuất trình Biên bản hiện trường tai nạn có xác nhận của cơ quan công an và nộp lại tem kiểm định, giấy chứng nhận kiểm định cho đơn vị đăng kiểm gần nhất để có căn cứ trả lại phí sau khi phương tiện hoàn thành việc sửa chữa và kiểm định lại để tiếp tục lưu hành.

1.2. Hồ sơ trả lại phí hoặc trừ vào số phí sử dụng đường bộ kỳ sau (sau đây gọi chung là trả phí) bao gồm:

a) Giấy đề nghị trả phí theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản phô tô các giấy tờ chứng minh thời gian không được sử dụng phương tiện quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 2 (như: Quyết định tịch thu xe của cơ quan có thẩm quyền, văn bản thu hồi giấy đăng ký và biển số xe);

c) Bản phô tô biên lai thu phí. Trường hợp bị mất biên lai thu phí, chủ phương tiện đề nghị đơn vị đăng kiểm nơi nộp phí cấp lại bản sao biên lai thu phí;

d) Riêng đối với xe ô tô quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 ngoài các giấy tờ nêu trên, chủ phương tiện còn phải cung cấp Biên bản thu tem kiểm định và giấy chứng nhận kiểm định theo mẫu tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời gian tính trả lại hoặc bù trừ phí từ thời điểm cơ quan chức năng thu giữ tem và giấy chứng nhận kiểm định.

1.3. Hồ sơ trả phí được nộp tại đơn vị đăng kiểm. Khi nộp hồ sơ, đối với các giấy tờ phô tô, người đề nghị trả phí phải mang theo bản chính để đơn vị đăng kiểm đối chiếu. Khi tiếp nhận hồ sơ, đơn vị đăng kiểm đóng dấu tiếp nhận, ghi thời gian nhận và ghi nhận các tài liệu trong hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ trả phí chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, đơn vị đăng kiểm phải thông báo cho người nộp hồ sơ để hoàn chỉnh.

1.4. Chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị trả phí, căn cứ hồ sơ đề nghị trả phí của chủ phương tiện, thủ trưởng đơn vị đăng kiểm ra Quyết định trả phí theo mẫu tại Phụ lục số 04 hoặc Thông báo về việc không được trả phí theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này gửi người đề nghị trả phí.

1.5. Số phí được trả lại hoặc bù trừ cho chủ phương tiện tương ứng với số phí đã nộp cho thời gian phương tiện không sử dụng.

1.6. Quyết định trả phí là căn cứ để đơn vị đăng kiểm kê khai, quyết toán số tiền phí đã trả lại hoặc trừ vào số phí phải nộp kỳ sau.

2. Đối với xe kinh doanh vận tải thuộc các hợp tác xã, doanh nghiệp kinh doanh vận tải (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) tạm dừng lưu hành liên tục từ 30 ngày trở lên.

## 2.1. Khi tạm dừng lưu hành

a) Doanh nghiệp gửi hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải nơi quản lý, cấp phép hoạt động kinh doanh vận tải hoặc nơi sử dụng phương tiện (đối với trường hợp mang phương tiện đến địa phương khác sử dụng), bao gồm: Đơn xin tạm dừng lưu hành theo mẫu tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này; Giấy phép kinh doanh vận tải bằng ô tô (bản sao).

b) Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ (kiểm tra các điều kiện: Các xe đề nghị tạm dừng lưu hành là xe kinh doanh vận tải và thuộc sở hữu của doanh nghiệp; thời gian đề nghị tạm dừng lưu hành của từng xe phải liên tục từ 30 ngày trở lên).

- Trường hợp chưa đủ điều kiện thì ra Thông báo theo mẫu tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này trả lại doanh nghiệp để hoàn thiện lại hồ sơ. Thời gian thực hiện 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn;

- Trường hợp đủ điều kiện, Sở Giao thông vận tải ký xác nhận vào Đơn xin tạm dừng lưu hành, đồng thời lập Biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu (nếu có) theo mẫu tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này; thời gian thực hiện 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.

c) Doanh nghiệp lập hồ sơ nộp cho đơn vị đăng kiểm xe cơ giới bao gồm: Đơn xin nghỉ lưu hành bản chính (có xác nhận của Sở Giao thông vận tải); biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu (đối với xe thuộc diện cấp biển hiệu, phù hiệu); biên lai thu phí sử dụng đường bộ (bản sao).

d) Đơn vị đăng kiểm nhận và kiểm tra hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ chưa phù hợp thì ra Thông báo theo mẫu tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư này trả lại doanh nghiệp để hoàn thiện lại hồ sơ, thời gian thực hiện 02 ngày làm việc. Trường hợp không thông báo đồng nghĩa với việc Hồ sơ của doanh nghiệp là phù hợp.

- Trường hợp đủ điều kiện thì lập Biên bản thu tem nộp phí sử dụng đường bộ theo mẫu tại Phụ lục số 13 ban hành kèm theo Thông tư này. Thời gian thực hiện 02 ngày làm việc.

đ) Ngày Sở Giao thông vận tải xác nhận vào đơn đề nghị nghỉ lưu hành là căn cứ xác định thời gian tạm dừng lưu hành, để xét thuộc trường hợp không chịu phí.

e) Trường hợp doanh nghiệp chưa nộp phí sử dụng đường bộ đối với xe đề nghị tạm dừng lưu hành tính đến thời điểm tạm dừng lưu hành (theo quy định tại điểm đ nêu trên) thì phải nộp đủ phí sử dụng đường bộ cho đơn vị đăng kiểm tính đến thời điểm dừng lưu hành.

2.2. Khi doanh nghiệp muốn lưu hành lại các xe đã đề nghị tạm dừng lưu hành thực hiện các thủ tục sau:

a) Doanh nghiệp gửi đơn vị đăng kiểm (nơi đã nộp hồ sơ đề nghị dừng lưu hành) hồ sơ đề nghị cấp lại tem nộp phí sử dụng đường bộ, gồm: Đơn đề

ngiht cấp lại tem nộp phí sử dụng đường bộ theo mẫu tại Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư này, biên bản thu tem nộp phí sử dụng đường bộ (bản chính);

b) Đơn vị đăng kiểm kiểm tra hồ sơ

- Trường hợp hồ sơ chưa đảm bảo hoặc số ngày thực tế xe dừng lưu hành (tính từ thời điểm tạm dừng lưu hành quy định tại điểm 2.1 nêu trên đến ngày đề nghị lưu hành trở lại) chưa đảm bảo thời gian liên tục từ 30 ngày trở lên thì đơn vị đăng kiểm ra Thông báo chưa đủ điều kiện xét thuộc diện không chịu phí theo mẫu tại Phụ lục số 9 ban hành kèm theo Thông tư này.

- Trường hợp thời gian xe tạm dừng liên tục từ 30 ngày trở lên, đơn vị đăng kiểm tính toán số phí được bù trừ, số phí phải nộp bổ sung (nếu có) trên cơ sở mức thu của một tháng chia cho 30 ngày và nhân với số ngày nghỉ lưu hành, cụ thể như sau:

+ Trường hợp xe chưa được nộp phí kể từ ngày dừng lưu hành thì số phí phải nộp sẽ được tính từ thời điểm đăng ký lưu hành trở lại cho đến chu kỳ đăng kiểm tiếp theo, theo quy định.

+ Trường hợp xe đã được nộp phí thì sẽ được bù trừ số phí tương ứng trong thời gian nghỉ lưu hành vào số tiền phí phải nộp của kỳ tiếp theo. Đơn vị đăng kiểm ký Quyết định bù trừ phí sử dụng đường bộ theo mẫu tại Phụ lục số 04 và cấp Tem nộp phí theo số tiền phí được bù trừ.

Ví dụ 9: Ngày 01/01/2016, Doanh nghiệp X nộp phí cho xe ô tô với chu kỳ 18 tháng (đến ngày 30/6/2017). Sau 01 tháng hoạt động, doanh nghiệp xin dừng hoạt động xe và được cơ quan quản lý cho dừng hoạt động 11 tháng, ngày 01/01/2017, khi xe đăng ký lưu hành trở lại, đơn vị đăng kiểm cấp Tem nộp phí có thời hạn từ ngày 01/01/2017 đến hết ngày 31/5/2018 (cộng thêm 11 tháng kể từ ngày 30/6/2017).

Ví dụ 10: Cũng với giả định nêu trên, doanh nghiệp X xin dừng hoạt động xe 20 tháng (từ ngày 01/02/2016 đến ngày 30/9/2017). Đến ngày 01/10/2017, doanh nghiệp xin lưu hành xe, đơn vị đăng kiểm tính cấp Tem nộp phí tính từ ngày 01/10/2017 đến 28/02/2019 (17 tháng).

Trường hợp số tiền được bù trừ nhỏ hơn số phí phải nộp của kỳ nộp phí sau thì doanh nghiệp phải nộp số phí bổ sung cho khoảng thời gian chênh lệch giữa thời gian phải nộp phí theo chu kỳ và thời gian được tính đối trừ phí, đơn vị đăng kiểm cấp biên lai thu phí theo số tiền phải nộp bổ sung.

Ví dụ 11: Doanh nghiệp Y có xe ô tô đã nộp phí 12 tháng. Sau khi nộp phí 05 tháng, xe dừng hoạt động 07 tháng. Đến hết 12 tháng, Doanh nghiệp Y đưa xe vào hoạt động, được đơn vị đăng kiểm quyết định cho bù trừ phí vào kỳ sau. Kỳ nộp phí sau là 12 tháng, doanh nghiệp Y sẽ được bù trừ số phí của 07 tháng đã nộp (tương ứng thời gian nghỉ lưu hành) và phải nộp phí bổ sung thêm 05 tháng. Đơn vị đăng kiểm cấp tem nộp phí 12 tháng và cấp biên lai thu phí theo số tiền doanh nghiệp nộp 05 tháng.



Đối với xe bị tạm giữ phù hiệu, biển hiệu, doanh nghiệp nộp hồ sơ xin cấp lại biển hiệu, phù hiệu cho Sở Giao thông vận tải (nơi tạm giữ phù hiệu, biển hiệu) bao gồm: Đơn đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu theo mẫu tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này, Quyết định về việc bù trừ phí sử dụng đường bộ hoặc biên lai thu phí trong trường hợp chưa nộp phí cho thời gian dừng lưu hành (nộp bản phô tô và mang bản chính để đối chiếu).

Sở Giao thông vận tải xem xét hồ sơ, cấp lại phù hiệu, biển hiệu (nếu có) cho doanh nghiệp.

3. Đối với xe ô tô quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2, các Trung tâm đào tạo dạy nghề lái xe, hợp tác xã, doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) lập hồ sơ gửi Sở Giao thông vận tải gồm:

- Đơn đề nghị xác nhận xe ô tô không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ, chỉ sử dụng trong phạm vi đất thuộc quản lý của doanh nghiệp và xe dùng để sát hạch thuộc sở hữu của doanh nghiệp theo mẫu tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bản sao giấy đăng ký kinh doanh;

- Bản sao giấy đăng ký xe (của từng xe đề nghị);

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, Sở Giao thông vận tải thông báo cho doanh nghiệp bổ sung hồ sơ chậm nhất trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện xem xét, Sở Giao thông vận tải tiến hành kiểm tra thực tế doanh nghiệp và xác nhận vào Đơn đề nghị nếu các phương tiện đủ điều kiện theo nội dung kê khai của doanh nghiệp, thời gian thực hiện chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ. Trường hợp kết quả kiểm tra không đúng với đơn đề nghị, doanh nghiệp có trách nhiệm hoàn thiện lại hồ sơ, để Sở Giao thông vận tải xác nhận.

Doanh nghiệp nộp 01 bản Đơn đề nghị (có xác nhận của Sở Giao thông vận tải) cho đơn vị đăng kiểm, nơi doanh nghiệp đưa xe đến kiểm định.

Khi đăng kiểm xe, doanh nghiệp nộp bản sao Đơn đề nghị (có đóng dấu chứng thực của doanh nghiệp). Đơn vị đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu với Đơn đề nghị có dấu xác nhận của Sở Giao thông vận tải, nếu phù hợp sẽ không thu phí sử dụng đường bộ đối với các xe này kể từ ngày Sở Giao thông vận tải xác nhận.

Trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, nếu có sự tăng thêm về số lượng xe thuộc đối tượng này, doanh nghiệp làm đơn đề nghị xác nhận bổ sung gửi Sở Giao thông vận tải theo thủ tục nêu trên.

Trường hợp doanh nghiệp đề nghị cho phép lưu hành xe trên hệ thống giao thông đường bộ (từ diện không chịu phí sang chịu phí), doanh nghiệp gửi thông báo bằng văn bản tới Sở Giao thông vận tải và đơn vị đăng kiểm. Sau đó, đến đơn vị đăng kiểm nộp phí sử dụng đường bộ để được tham gia giao thông. Đơn vị đăng kiểm kiểm tra, tính và thu phí cho phương tiện kể từ ngày chủ phương tiện đến đăng ký lưu hành trở lại.

4. Đối với xe ô tô quy định tại điểm e khoản 2 Điều 2 có các giấy tờ xuất cảnh, nhập cảnh của cấp có thẩm quyền nếu thời gian hoạt động ở nước ngoài từ 30 ngày trở lên thì chủ phương tiện không phải chịu phí cho thời gian này. Chủ phương tiện cung cấp giấy tờ chứng minh xe được xuất cảnh, nhập cảnh cho đơn vị đăng kiểm khi đăng kiểm; giấy tờ này được công chứng, chứng thực; nếu là bản phô tô thì chủ phương tiện phải có bản gốc để đối chiếu. Trường hợp xe đã được nộp phí cho thời gian hoạt động tại nước ngoài thì đơn vị đăng kiểm sẽ tính bù trừ số phí phải nộp của kỳ tiếp theo.

5. Đối với xe ô tô quy định tại điểm g khoản 2 Điều 2 chủ phương tiện phải xuất trình Tờ khai mất tài sản có xác nhận của cơ quan công an. Trường hợp xe đã được nộp phí cho thời gian bị mất từ 30 ngày trở lên thì đơn vị đăng kiểm sẽ tính trả lại (hoặc bù trừ số phí phải nộp của kỳ tiếp theo nếu tìm lại được phương tiện).

Trường hợp tìm thấy phương tiện thì chủ phương tiện phải cung cấp cho đơn vị đăng kiểm Biên bản bàn giao tài sản do cơ quan công an thu hồi giao cho chủ phương tiện. Thời gian không chịu phí phải đảm bảo điều kiện từ 30 ngày trở lên kể từ ngày khai báo mất đến ngày nhận được xe.

6. Trong trường hợp tổ chức thu phí phát hiện việc thu sai mức phí quy định hoặc nhầm loại phương tiện, đơn vị đăng kiểm phải liên hệ với chủ phương tiện để thu bổ sung (nếu thu thiếu) và trả lại phí (nếu thu thừa) cho chủ phương tiện. Trong các trường hợp này, đơn vị đều phải lập Biên bản giữa tổ chức thu phí và chủ phương tiện theo mẫu tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này để làm cơ sở thu bổ sung hoặc trả lại phí.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 10. Tổ chức thực hiện**

Cục Đăng kiểm Việt Nam có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và quản lý thu, nộp, trả lại phí sử dụng đường bộ của các cơ quan đăng kiểm trên toàn quốc; báo cáo Văn phòng Quỹ số tiền phí thu được từ các cơ quan đăng kiểm.

2. Tổ chức in ấn, cấp phát và quản lý sử dụng tem nộp phí sử dụng đường bộ đối với ô tô theo mẫu được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

3. Báo cáo Văn phòng Quỹ số phí sử dụng đường bộ thu được hàng năm, để Quỹ Bảo trì đường bộ Trung ương tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

#### **Điều 11. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế: Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện và Thông tư số 78/2016/TT-BTC ngày

03 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11 tháng 9 năm 2014.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí sử dụng đường bộ không quy định tại Thông tư này, được thực hiện theo Luật phí và lệ phí và Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn. *WVL*

**Nơi nhận:** *W*

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước,
- Văn phòng Chính phủ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan trung ương của các Đoàn thể;
- UBND, Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, KBNN thành phố Hà Nội;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Quỹ bảo trì Trung ương, Cục Đăng kiểm Việt Nam;
- Website Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (5). *W*

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG  
  
Vũ Thị Mai



**Phụ lục số 01**  
**BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ**  
*(Kèm theo Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**1. Mức thu phí (trừ quy định tại điểm 2 và điểm 3 dưới đây)**

Số T T	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu (nghìn đồng)						
		1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng	18 tháng	24 tháng	30 tháng
1	Xe chở người dưới 10 chỗ đăng ký tên cá nhân	130	390	780	1.560	2.280	3.000	3.660
2	Xe chở người dưới 10 chỗ (trừ xe đăng ký tên cá nhân); xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ dưới 4.000 kg; các loại xe buýt vận tải hành khách công cộng (bao gồm cả xe đưa đón học sinh, sinh viên, công nhân được hưởng chính sách trợ giá như xe buýt); xe chở hàng và xe chở người 4 bánh có gắn động cơ	180	540	1.080	2.160	3.150	4.150	5.070
3	Xe chở người từ 10 chỗ đến dưới 25 chỗ; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 4.000 kg đến dưới 8.500 kg	270	810	1.620	3.240	4.730	6.220	7.600
4	Xe chở người từ 25 chỗ đến dưới 40 chỗ; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 8.500 kg đến dưới 13.000 kg	390	1.170	2.340	4.680	6.830	8.990	10.970
5	Xe chở người từ 40 chỗ trở lên; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 13.000 kg đến dưới 19.000 kg; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo đến dưới 19.000 kg	590	1.770	3.540	7.080	10.340	13.590	16.600
6	Xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 19.000 kg đến dưới 27.000 kg; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 19.000 kg đến dưới 27.000 kg	720	2.160	4.320	8.640	12.610	16.590	20.260
7	Xe tải, xe ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ từ 27.000 kg trở lên; xe đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 27.000 kg đến dưới 40.000 kg	1.040	3.120	6.240	12.480	18.220	23.960	29.270

Số T T	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu (nghìn đồng)						
		1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng	18 tháng	24 tháng	30 tháng
8	Xe ô tô đầu kéo có khối lượng bản thân cộng với khối lượng cho phép kéo theo từ 40.000 kg trở lên	1.430	4.290	8.580	17.160	25.050	32.950	40.240

**Ghi chú:**

- Mức thu của 01 tháng năm thứ 2 (từ tháng thứ 13 đến tháng thứ 24 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 92% mức phí của 01 tháng trong Biểu nêu trên.

- Mức thu của 01 tháng năm thứ 3 (từ tháng thứ 25 đến tháng thứ 30 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 85% mức phí của 01 tháng trong Biểu nêu trên.

- Thời gian tính phí theo Biểu nêu trên tính từ khi đăng kiểm xe, không bao gồm thời gian của chu kỳ đăng kiểm trước. Trường hợp chủ phương tiện chưa nộp phí của chu kỳ trước thì phải nộp bổ sung tiền phí của chu kỳ trước, số tiền phải nộp = Mức thu 01 tháng x Số tháng phải nộp của chu kỳ trước.

- Khối lượng toàn bộ là: Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông ghi trên giấy chứng nhận kiểm định của phương tiện.

**2. Mức thu phí đối với xe của lực lượng quốc phòng**

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (nghìn đồng/vé/năm)
1	Xe ô tô con quân sự	1.000
2	Xe ô tô vận tải quân sự	1.500

**3. Mức thu phí đối với xe của lực lượng công an**

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (nghìn đồng/vé/năm)
1	Xe dưới 7 chỗ ngồi	1.000
2	Xe ô tô từ 7 chỗ ngồi trở lên; Xe vận tải; Xe ô tô chuyên dùng, gồm: xe khám nghiệm hiện trường, xe thông tin, xe liên lạc di động chuyên dùng	1.500

**Phụ lục số 02**  
(Kèm theo Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15 tháng  
11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm 201...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**Trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ**

Kính gửi: .....(tên cơ quan trả phí).....

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị trả/bù trừ phí**

Tên tổ chức, cá nhân .....

Số CMND/Căn cước/Hộ chiếu: ..... Điện thoại: .....

Địa chỉ :.....Quận/huyện: ..... Tỉnh/thành phố: .....

**II. Nội dung đề nghị trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ**

**1. Thông tin về khoản phí đề nghị trả lại/bù trừ:**

- Phương tiện đã nộp phí: .....(loại xe, biển số xe) .....

- Thời gian đã nộp phí: Từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

- Số tiền phí đã nộp:.....

- Số tiền phí đề nghị trả lại/bù trừ:.....

- Lý do đề nghị trả lại/bù trừ:.....

**2. Hình thức đề nghị trả phí**

2.1. Bù trừ:

2.2. Trả lại tiền phí:

- Trả lại bằng: Tiền mặt:  Chuyển khoản:

- Chuyển tiền vào tài khoản số: ..... tại ngân hàng.....

(hoặc) Người nhận tiền: ..... Số CMND/Căn cước/HC: ..... cấp  
ngày ..... tại.....

**III. Tài liệu gửi kèm (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao)**

1.....

2 .....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về  
những số liệu đã khai./.

**Người đề nghị**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)



**Phụ lục số 03**  
(Kèm theo Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15 tháng  
11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CQ CẤP TRÊN  
TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

**BIÊN BẢN**

**Thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định**

Vào hồi .... giờ..... ngày .....tháng.....năm 20....

Tại đơn vị đăng kiểm xe cơ giới ....., địa chỉ:.....  
điện thoại:.....

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cho đơn vị đăng kiểm xe cơ giới

1. Ông: ....., Chức vụ: Lãnh đạo;

2. Ông: ....., Chức vụ: nhân viên.

II. Đại diện cho chủ phương tiện có biên số phương tiện: .....

Ông: ....., là chủ phương tiện/lái xe. Số điện thoại:..... Số CMND/Căn cước/Giấy phép lái xe:.....; nơi cấp:....., ngày cấp.../.../20...

Cùng nhau lập Biên bản xác nhận thời điểm thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định làm cơ sở để tính trả lại phí hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ trong thời gian sửa chữa, phục hồi tình trạng kỹ thuật sau tai nạn, cụ thể:

Ông .....đã nộp lại Tem và Giấy chứng nhận kiểm định có số sê ri: ..... do... đơn vị đăng kiểm xe cơ giới .....cấp ngày:.../.../20... có hiệu lực đến ngày .../.../20....

Lý do: Xe bị tai nạn giao thông không thể lưu hành được phải sửa chữa.

Biên bản được lập thành hai bản có giá trị như nhau, 01 bản giao cho chủ phương tiện, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định.

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NHÂN VIÊN ĐƠN VỊ  
ĐĂNG KIỂM**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
ĐĂNG KIỂM**

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng  
dấu)

**Phụ lục số 04**

*(Kèm theo Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

TÊN CQ CẤP TRÊN  
CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày.... tháng.... năm 201...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ**

**CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ;

- Căn cứ vào Giấy đề nghị trả lại/bù trừ tiền phí (hoặc đơn đề nghị lưu hành trở lại) ngày .../.../20.. kèm theo hồ sơ của: ....(Tên người nộp phí)....;

- Theo đề nghị của .....,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ cho.. (Tên người nộp phí):....

- Tổng số tiền phí là: ..... đồng (bằng chữ: .....)

- Phương tiện được trả lại/bù trừ: ..(Loại xe, biển số xe hoặc danh sách phương tiện kèm theo)

- Thời gian phương tiện không sử dụng và được trả lại/bù trừ phí: Từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

Lý do trả lại/bù trừ phí: .....

Hình thức trả lại/bù trừ tiền: ; Trả lại: Tiền mặt  Chuyển khoản

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký....(Tên người nộp phí)...., ...(bộ phận liên quan của tổ chức thu phí)... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

**Phụ lục số 05**

*(Kèm theo Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

TÊN ĐƠN VỊ ...

Số: .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 201..

**THÔNG BÁO**

**Về việc không được trả lại/bù trừ tiền phí**

Đơn vị đăng kiểm nhận được Giấy đề nghị trả lại/bù trừ khoản thu phí sử dụng đường bộ... ngày ... tháng ... năm ... của ...*(Tên người nộp phí, mã số thuế)*... và hồ sơ gửi kèm theo.

Căn cứ.....*Thông tư của Bộ Tài chính có liên quan*.....

Hồ sơ đề nghị trả lại/bù trừ phí của ...*(Tên người nộp phí)*... không thuộc đối tượng, trường hợp được trả lại/bù trừ phí hoặc có số tiền phí không được trả lại/bù trừ là ... .....đồng.

Lý do: ...*(nêu rõ lý do không được trả lại phí và căn cứ cụ thể)*...

Nếu có vướng mắc, xin liên hệ với đơn vị đăng kiểm để được giải đáp.

Số điện thoại: .....

Địa chỉ: ...../.

**Nơi nhận:**

- ...*(Tên người nộp phí)*...;
- .....
- Lưu VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*



**Phụ lục số 06**  
(Kèm theo Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15 tháng  
11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN ĐƠN VỊ ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày tháng năm 201..

**ĐƠN XIN TẠM DỪNG LƯU HÀNH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên.... doanh nghiệp, hợp tác xã .....

Số ĐKKD: ..... cấp ngày:.....

Địa chỉ cơ quan:.....

Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét, chấp thuận và thực hiện tạm giữ phù hiệu, biển hiệu làm cơ sở cho... (Tên doanh nghiệp, hợp tác xã)... để làm căn cứ xác định thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện nêu dưới đây:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Số phù hiệu, biển hiệu (nếu có)	Thời gian dự kiến tạm dừng hoạt động
1				Từ ngày .... đến ngày ...
2				

Sở Giao thông vận tải tỉnh..... xác nhận các xe nêu trên đúng là xe thuộc sở hữu của doanh nghiệp; doanh nghiệp xin nghỉ lưu hành từ ngày... tháng... năm....

Sở Giao thông vận tải đã lập biên bản tạm giữ phù hiệu, biển hiệu của xe kể từ ngày ... tháng ... năm ....

Đơn này được lập thành 03 bản, 02 bản giao cho chủ phương tiện (01 bản lưu, 01 bản để kèm hồ sơ gửi đơn vị đăng kiểm làm thủ tục xác định xe dừng sử dụng), 01 bản lưu tại Sở Giao thông vận tải.

**LÃNH ĐẠO SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục số 07**

*(Kèm theo Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

TÊN CQ CẤP TRÊN  
TÊN CQ RA THÔNG BÁO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../TB-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO**

**Về việc không đủ điều kiện đăng ký tạm dừng lưu hành**

...(Cơ quan thông báo) ..... nhận được hồ sơ của ...(doanh nghiệp, hợp tác xã).....

Căn cứ quy định của Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ;

Qua nghiên cứu, hồ sơ của ...(doanh nghiệp, hợp tác xã)..... chưa đủ điều kiện để đăng ký tạm dừng lưu hành theo quy định.

Lý do: ...(nêu rõ lý do không được đăng ký tạm dừng lưu hành)...

Nếu có vướng mắc, xin liên hệ theo số điện thoại: ..... để được giải đáp./.

**Nơi nhận:**

- ...(tên doanh nghiệp, hợp tác xã)...
- .....
- Lưu VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Phụ lục số 08**

*(Kèm theo Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

TÊN CQ CẤP TRÊN  
**Tên Sở Giao thông vận tải**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

**BIÊN BẢN**

**Tạm giữ Phù hiệu, Biển hiệu kinh doanh vận tải**

Vào hồi ..... giờ .... ngày ..... tháng .... năm .....

Tại Sở Giao thông vận tải: ....., điện thoại .....

Địa chỉ: .....

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện cho Sở Giao thông vận tải

- Lãnh đạo: .....

- Nhân viên: .....

2. Đại diện cho doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải

Ông (bà): .....

Số CMND/Căn cước: ....., cấp ngày ..... tại.....

Cùng nhau lập biên bản xác nhận đã thực hiện tạm giữ phù hiệu, biển hiệu kinh doanh vận tải từ ngày....tháng..... năm 20... làm căn cứ xác định phương tiện dừng lưu hành để xét thuộc trường hợp không chịu phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện sau:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Đơn vị cấp	Số phù hiệu, biển hiệu

Biên bản được lập thành 03 bản, 02 bản giao cho chủ phương tiện (trong đó chủ phương tiện lưu 01 bản, 01 bản để kèm theo hồ sơ gửi đơn vị đăng kiểm thực hiện thu Tem đăng kiểm), 01 bản lưu tại Sở Giao thông vận tải.

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**CÁN BỘ SỞ GTVT**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**LÃNH ĐẠO SỞ GTVT**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**Phụ lục số 09**

*(Kèm theo Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

TÊN CQ CẤP TRÊN  
TÊN CQ RA THÔNG BÁO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../TB-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO**

**Về việc chưa đủ điều kiện thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ**

Đơn vị đăng kiểm nhận được Đơn đề nghị cấp tem nộp phí sử dụng đường bộ... ngày ... tháng ... năm ... của ...*(doanh nghiệp, hợp tác xã)*... và hồ sơ gửi kèm theo.

Căn cứ quy định của Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.

Qua nghiên cứu, hồ sơ của ..... *(doanh nghiệp, hợp tác xã)*.....chưa đủ điều kiện thuộc đối tượng không chịu phí sử dụng đường bộ trong thời gian tạm dừng lưu hành.

Lý do: ...*(nêu rõ lý do không được đăng ký tạm dừng lưu hành)*...

Nếu có vướng mắc, xin liên hệ theo số điện thoại: ..... để được giải đáp.

**Nơi nhận:**

- ...*(Tên doanh nghiệp, hợp tác xã)*...;
- .....;
- Lưu VT, ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Phụ lục số 10**  
(Kèm theo Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15 tháng  
11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN ĐƠN VỊ .....

Số: .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng .. năm 201..

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Trả lại phù hiệu, biển hiệu**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên tôi là:.....

Số CMND/Căn cước..... cấp tại..... cấp ngày:.....

Đại diện cho:.....

Giấy giới thiệu số:.....

Ngày.../.../201.. , tôi đã có Đơn và đã nộp phù hiệu, biển hiệu để làm căn cứ xác định thời gian tạm dừng hoạt động của các phương tiện. Nay tôi làm đơn này đề nghị quý Sở xem xét trả lại phù hiệu, biển hiệu cho các phương tiện sau đây để được tiếp tục lưu hành, bao gồm:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Đơn vị cấp	Số phù hiệu, biển hiệu

Tôi xin cảm ơn!

**Người làm đơn**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục số 11**  
(Kèm theo Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15 tháng  
11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CQ CẤP TRÊN  
TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày tháng năm 201..

**ĐƠN XIN XÁC NHẬN**

**Xe ô tô dùng để sát hạch; xe không tham gia giao thông, chỉ sử dụng trong phạm vi đất thuộc quản lý của doanh nghiệp, hợp tác xã**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tên cơ quan đề nghị.....

Số ĐKKD: ..... cấp ngày:.....

Địa chỉ:.....

1. Đề nghị của đơn vị

Đề nghị Sở Giao thông vận tải kiểm tra và xác nhận phương tiện thuộc sở hữu của doanh nghiệp chúng tôi là xe dùng để:.... (sát hạch lái xe/xe không tham gia giao thông, chỉ sử dụng trong phạm vi đất thuộc quản lý của doanh nghiệp/hợp tác xã)...., để làm căn cứ xác định thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ đối với các phương tiện nêu dưới đây:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Tuyến đường/khu vực hoạt động
1	Ví dụ: Xe tải	14M-1234	Mỏ Than Mông Dương
2			

2. Sở Giao thông vận tải đã kiểm tra và xác nhận các phương tiện nêu trên là các xe dùng để.. (sát hạch lái xe/xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống đường bộ, chỉ sử dụng trong phạm vi đất thuộc quản lý của doanh nghiệp)...; theo đúng nội dung đã kê khai. Đơn vị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai và sử dụng phương tiện.

Đơn này được lập thành 03 bản, 02 bản giao cho chủ phương tiện (01 bản lưu, 01 bản để kèm hồ sơ gửi đơn vị đăng kiểm làm thủ tục xác định xe dùng sử dụng), 01 bản lưu tại Sở Giao thông vận tải.

....., ngày .....tháng.....năm.....

**LÃNH ĐẠO SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)



**Phụ lục số 12**

*(Kèm theo Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

TÊN CQ CẤP TRÊN  
TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

**BIÊN BẢN**  
**Xử lý việc thu sai mức phí sử dụng đường bộ**

Vào hồi .... giờ..... ngày .....tháng.....năm 20....

Tại đơn vị đăng kiểm xe cơ giới .....địa chỉ:.....  
điện thoại:.....

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cho đơn vị đăng kiểm xe cơ giới

1. Ông: ....., Chức vụ: Lãnh đạo;

2. Ông: ....., Chức vụ: Nhân viên.

II. Đại diện cho chủ phương tiện có biển số phương tiện: .....

Ông: ..... là chủ phương tiện/lái xe. Số điện thoại:..... Số CMND/Căn cước/Giấy phép lái xe:.....; nơi cấp:....., ngày cấp...../...../20...

Cùng nhau lập Biên bản này để xác định số phí phải thu bổ sung (hoặc phải hoàn trả) bởi nguyên nhân:.....

Số tiền thu bổ sung (hoặc trả lại) là:.....

Bằng chữ:.....

Biên bản được lập thành hai bản có giá trị như nhau, 01 bản giao cho chủ phương tiện, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm thu phí.

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**NHÂN VIÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM**

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

**Phụ lục số 13**  
(Kèm theo Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15 tháng  
11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CQ CẤP TRÊN  
TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

**BIÊN BẢN**  
**Thu Tem nộp phí sử dụng đường bộ**

Vào hồi ..... giờ .... ngày ..... tháng .... năm .....

Tại đơn vị đăng kiểm xe cơ giới: ....., điện thoại .....

Địa chỉ: .....

Chúng tôi gồm:

1. Đại diện cho đơn vị đăng kiểm xe cơ giới

- Lãnh đạo: .....

- Nhân viên: .....

2. Đại diện cho doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải:

Ông (bà): .....

Số CMND/Căn cước:....., cấp ngày ..... tại .....

Cùng nhau lập biên bản xác nhận đã thu tem nộp phí sử dụng đường bộ để làm căn cứ xét phương tiện thuộc diện không chịu phí sử dụng đường bộ cho các phương tiện sau đây.

Số TT	Biển số đăng ký	Tem nộp phí sử dụng đường bộ		
		Số sê-ri	Đơn vị cấp	Thời hạn

Biên bản được lập thành 02 bản, 01 bản giao cho chủ phương tiện, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm thu tem.

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NHÂN VIÊN ĐƠN VỊ  
ĐĂNG KIỂM**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
ĐĂNG KIỂM**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Phụ lục số 14**  
(Kèm theo Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15 tháng  
11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN ĐƠN VỊ ...  
Số: .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp lại tem nộp phí sử dụng đường bộ**

Kính gửi: Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.....

Tên tôi là: ....., đại diện cho ...(doanh nghiệp, hợp tác xã).....

Số CMND/Căn cước..... cấp ngày ..... cấp tại:.....

Địa chỉ (theo hộ khẩu thường trú).....

Ngày.../.../201..., Tôi đã có Đơn và đã nộp Tem nộp phí sử dụng đường bộ để làm căn cứ xác định thời gian tạm dừng hoạt động của các phương tiện. Nay đề nghị được cấp lại Tem nộp phí sử dụng đường bộ cho các phương tiện sau đây để được tiếp tục lưu hành, bao gồm:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Ghi chú
1			
2			

Đơn đề nghị này được lập thành 02 bản, 01 bản giao cho chủ phương tiện, 01 bản lưu tại đơn vị đăng kiểm.

**DN/HTX KD VẬN TẢI**  
(Ký tên và đóng dấu)

**NHÂN VIÊN ĐƠN VỊ**  
**ĐĂNG KIỂM**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
**ĐĂNG KIỂM**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)